

Số: 997/QĐ-UBND

Văn Hán, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn xã Văn Hán năm 2024**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN HÁN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;*

*Thực hiện Công văn số 2494/UBND-LĐTĐBXH, ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đông Hồ về việc kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Văn Hán năm 2024;*

*Xét đề nghị của Ban chỉ đạo giảm nghèo xã Văn Hán,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn xã Văn Hán năm 2024 như sau:

Tổng số hộ dân trên địa bàn: **2860** hộ.

Tổng số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo: **65** hộ = 2,27%

Tổng số hộ nghèo sau điều tra: **89** hộ = 3,11%

Tổng số hộ cận nghèo sau điều tra: **169** hộ = 5,9%

*(Có biểu tổng hợp kèm theo)*

**Điều 2.** Cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này

**Điều 3.** Các xóm căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 được công nhận tại Điều 1 của Quyết định này, tiến hành cập nhật thông tin để làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.



**Điều 4.** Văn phòng HĐND-UBND, các Ban ngành liên quan và các xóm có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu VP UBND.



**Nguyễn Xuân Hiền**



**DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO,  
HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO NĂM 2024.**

(Kèm theo Quyết định số 997/QĐ-UBND, ngày 28/10/2024 của UBND xã Văn Hán)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện tại (ghi theo thứ tự thôn/tổ)	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
<b>Hộ nghèo</b>							
1	ĐOÀN THỊ PHONG	Nữ	1936	Xóm Áp Chè	120	30	N1
2	TRẦN VĂN THÊM	Nam	1979	Xóm Áp Chè	90	60	N1
3	LÂM VĂN NGỌC	Nam	1955	Xóm Áp Chè	130	30	N1
4	NGUYỄN THỊ THUẬN	Nữ	1954	Xóm Áp Chè	140	30	N1
5	HOÀNG THỊ BÍCH TÂM	Nữ	1948	Xóm Áp Chè	115	30	N1
6	LÝ VĂN SỸ	Nam	1971	Xóm Áp Chè	130	30	N1
7	NGUYỄN THỊ PHIÊN	Nữ	1933	Xóm Áp Chè	100	40	N1
8	LÂM THỊ HÀ	Nữ	1977	Xóm Ba Quả	95	50	N1
9	LÝ VĂN ÍT	Nam	1956	Xóm Ba Quả	115	30	N1
10	LÂM VĂN SƠN	Nam	1987	Xóm Ba Quả	105	40	N1
11	ĐINH THỊ THOA	Nữ	1986	Xóm Ba Quả	110	30	N1
12	HOANG VĂN TƯ	Nam	1998	Xóm Ba Quả	115	50	N1
13	HOÀNG THỊ THEO	Nam	1958	Xóm Ba Quả	130	30	N1
14	LÂM VĂN ƠN	Nam	1982	Xóm Ba Quả	110	40	N1
15	LÂM THỊ TƯƠI	Nữ	1965	Xóm Ba Quả	100	40	N1
16	NÔNG VĂN ĐÔNG	Nam	1975	Xóm Ba Quả	115	40	N1
17	LƯU THÀNH DỰNG	Nam	1984	Xóm Cầu Mai	125	40	N1
18	HOÀNG THỊ PHONG	Nữ	1960	Xóm Cầu Mai	115	30	N1
19	CHU VĂN HÙNG	Nam	1985	Xóm Cầu Mai	115	50	N1
20	HOÀNG THỊ THANH	Nữ	1973	Xóm Cầu Mai	105	40	N1
21	LUÂN THỊ CỎ	Nữ	1976	Xóm Hòa Khê 1	105	50	N1
22	BÙI THỊ TÂM	Nữ	1981	Xóm Hòa Khê 1	110	50	N1
23	LINH THỊ PHÚC	Nữ	1959	Xóm Hòa Khê 1	120	30	N1
24	BÙI THỊ HẰNG	Nữ	1982	Xóm Hòa Khê 1	110	30	N1
25	NGUYỄN THỊ TUYẾN	Nữ	1950	Xóm Hòa Khê 1	120	40	N1
26	HOÀNG THỊ THÀNH	Nữ	1956	Xóm Hòa Khê 1	90	40	N1
27	LÃNG THỊ THIỆN	Nữ	1950	Xóm Hòa Khê 2	80	40	N1

28	TẠ VĂN TUYẾN	Nam	1979	Xóm Hòa Khê 2	95	50	N1
29	LÝ THỊ VÊ	Nữ	1970	Xóm Hòa Khê 2	130	30	N1
30	TRẦN THỊ GÁI	Nữ	1945	Xóm Hòa Khê 2	90	60	N1
31	PHƯƠNG THỊ LIÊN	Nữ	1964	Xóm Hòa Khê 2	115	30	N1
32	ĐỖ VĂN PHONG	Nam	1988	Xóm Hòa Khê 2	120	60	N1
33	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	Nam	1981	Xóm Hòa Khê 2	115	50	N1
34	LUÂN VĂN HẬU	Nam	1980	Xóm La Đàn	110	40	N1
35	HOÀNG THỊ LÝ	Nữ	1987	Xóm La Đàn	115	30	N1
36	LUÂN THỊ HỒ	Nữ	1948	Xóm La Đàn	115	40	N1
37	LUÂN THỊ THẮNG	Nữ	1953	Xóm La Đàn	100	50	N1
38	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	1975	Xóm La Đàn	110	40	N1
39	ĐÀM THỊ OANH	Nữ	1975	Xóm La Đàn	130	30	N1
40	ĐÀM VĂN SÒI	Nam	1942	Xóm La Đàn	125	30	N1
41	ĐÀM VĂN CƯỜNG	Nam	1980	Xóm La Đàn	125	40	N1
42	LUÂN THỊ HOA	Nữ	1961	Xóm La Đàn	115	30	N1
43	HOÀNG THỊ CHINH	Nữ	1963	Xóm La Đàn	125	30	N1
44	VI THỊ THUỖNG	Nữ	1952	Xóm La Đàn	110	30	N1
45	LUÂN VĂN DẬU	Nam	1994	Xóm La Đàn	110	40	N1
46	HOÀNG VĂN TRUNG	Nam	1990	Xóm La Đùm	100	40	N1
47	NGUYỄN XUÂN CHIẾN	Nam	1943	Xóm La Đùm	105	40	N1
48	LÃNG VĂN HIÊN	Nam	1982	Xóm La Đùm	75	30	N1
49	ĐẶNG THỊ NGÀ	Nam	1963	Xóm Làng Cả	125	30	N1
50	LẠI VĂN TIẾT	Nam	1954	Xóm Làng Cả	130	30	N1
51	TRẦN THỊ CÁT	Nữ	1959	Xóm Làng Cả	120	30	N1
52	LƯU VĂN THU	Nam	1990	Xóm Làng Cả	100	40	N1
53	NGUYỄN THỊ MÙI	Nam	1955	Xóm Làng Cả	135	40	N1
54	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	1990	Xóm Làng Cả	100	50	N1
55	LÂM CHÍ KIÊN	Nam	1991	Xóm Làng Cả	110	30	N1
56	HÀU THỊ CÔNG	Nữ	1956	Xóm Làng Cả	120	30	N1
57	CHU VĂN CƯỜNG	Nam	1977	Xóm Làng Hòa	110	30	N1
58	MÔNG THỊ THÀNH	Nữ	1989	Xóm Làng Hòa	110	70	N1
59	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	1988	Xóm Làng Hòa	95	30	N1
60	PHẠM THỊ MƠ	Nữ	1963	Xóm Làng Hòa	120	30	N1
61	LÝ THỊ QUẾ	Nữ	1943	Xóm Phả Lý	85	30	N1

62	HOÀNG PHƯỚC LONG	Nam	1986	Xóm Phả Lý	95	30	N1
63	NÔNG THỊ XOAY	Nữ	1942	Xóm Phả Lý	105	30	N1
64	NGUYỄN THỊ TẠC	Nữ	1952	Xóm Phả Lý	105	30	N1
65	LỘC THỊ NOỌNG	Nữ	1959	Xóm Phả Lý	120	40	N1
66	LÝ THỊ TOÁN	Nữ	1964	Xóm Thịnh Đức 1	110	30	N1
67	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	1984	Xóm Thịnh Đức 1	90	50	N1
68	LÝ VĂN NINH	Nam	1987	Xóm Thịnh Đức 1	110	40	N1
69	LÊ THỊ CẦU	Nam	1946	Xóm Thịnh Đức 1	130	30	N1
70	VI VĂN CHIẾN	Nam	1983	Xóm Thịnh Lâm	120	40	N1
71	VI THỊ NHƯ	Nữ	1981	Xóm Thịnh Lâm	130	40	N1
72	HỨA THỊ NIM	Nữ	1958	Xóm Thịnh Lâm	95	30	N1
73	VI VĂN BÊN	Nam	1989	Xóm Thịnh Lâm	105	50	N1
74	VI THỊ HƯỜNG	Nam	1982	Xóm Thịnh Lâm	140	50	N1
75	TRIỆU THỊ THAO	Nữ	1986	Xóm Thịnh Lâm	85	40	N1
76	HỨA VĂN ĐẠO	Nam	1971	Xóm Thịnh Lâm	110	40	N1
77	VI VĂN CHỦ	Nam	1983	Xóm Thịnh Lâm	120	40	N1
78	ĐÀM THỊ HỒNG	Nữ	1967	Xóm Thịnh Lâm	110	30	N1
79	NÔNG THỊ BẠO	Nữ	1938	Xóm Thịnh Lâm	125	40	N1
80	NGUYỄN THỊ LƯU	Nữ	1965	Xóm Vân Hán	75	30	N1
81	NÔNG VĂN TƯỚNG	Nam	1972	Xóm Vân Hán	80	60	N1
82	NGUYỄN VĂN DẬU	Nam	1992	Xóm Vân Hán	95	50	N1
83	BÙI VĂN THẮNG	Nam	1988	Xóm Vân Hán	90	60	N1
84	NÔNG THỊ TIÊN	Nữ	1971	Xóm Vân Hán	115	30	N1
85	NGÔ THỊ HẰNG	Nữ	1966	Xóm Vân Hán	115	40	N1
86	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	1976	Xóm Vân Hòa	125	40	N1
87	NGUYỄN VĂN CHÚC	Nam	1961	Xóm Vân Hòa	135	30	N1
88	LÊ THỊ TỈNH	Nữ	1976	Xóm Vân Hòa	105	60	N1
89	ĐÀO THỊ TIẾP	Nữ	1972	Xóm Vân Hòa	120	40	N1

#### Hộ cận nghèo

1	ĐINH THỊ LAI	Nữ	1966	Xóm Ấp Chè	135	20	CN1
2	LÂM VĂN NGHIỆP	Nam	1984	Xóm Ấp Chè	105	20	CN1
3	LÝ VĂN HIẾU	Nam	1993	Xóm Ấp Chè	115	20	CN1
4	TRẠC VĂN LÀNH	Nam	1976	Xóm Ấp Chè	135	20	CN1
5	TRẦN VĂN SINH	Nam	1985	Xóm Ấp Chè	125	20	CN1

6	LÊ THỊ HUỆ	Nữ	1977	Xóm Ấp Chè	120	10	CN1
7	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	1982	Xóm Ấp Chè	140	20	CN1
8	HỨA VĂN SĨ	Nam	1987	Xóm Ba Quả	140	20	CN1
9	LÊ MINH HƯNG	Nam	1945	Xóm Ba Quả	115	20	CN1
10	LÝ VĂN NHIỀU	Nam	1959	Xóm Ba Quả	120	20	CN1
11	LÔ VĂN HÒA	Nam	1992	Xóm Ba Quả	125	20	CN1
12	VI THỊ TÂM	Nữ	1980	Xóm Ba Quả	125	20	CN1
13	HOÀNG THỊ SAO	Nữ	1977	Xóm Ba Quả	130	20	CN1
14	TRIỆU VĂN TÔN	Nam	1985	Xóm Ba Quả	140	10	CN1
15	DƯƠNG THỊ LƯƠNG	Nữ	1958	Xóm Ba Quả	140	20	CN1
16	VŨ VĂN NHOẠN	Nam	1952	Xóm Ba Quả	130	20	CN1
17	LÂM VĂN HOÀNG	Nam	1989	Xóm Ba Quả	120	20	CN1
18	LƯƠNG XUÂN THỦY	Nam	1986	Xóm Cầu Mai	125	20	CN1
19	LÝ THỊ MÙI	Nữ	1955	Xóm Cầu Mai	110	20	CN1
20	NÔNG VĂN PHÒNG	Nam	1982	Xóm Cầu Mai	135	10	CN1
21	HOÀNG VĂN TUÂN	Nam	1981	Xóm Cầu Mai	130	10	CN1
22	LÔ THỊ VIÊN	Nữ	1967	Xóm Cầu Mai	130	0	CN1
23	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	1965	Xóm Cầu Mai	110	20	CN1
24	VI VĂN NHAY	Nam	1934	Xóm Cầu Mai	115	10	CN1
25	LƯƠNG THỊ BAY	Nữ	1967	Xóm Cầu Mai	130	10	CN1
26	NGUYỄN THỊ VỰC	Nữ	1954	Xóm Hòa Khê 1	105	20	CN1
27	HOÀNG THỊ CHINH	Nữ	1954	Xóm Hòa Khê 1	130	10	CN1
28	HOÀNG THỊ MÈ	Nữ	1982	Xóm Hòa Khê 1	100	10	CN1
29	TRIỆU QUANG HƯNG	Nam	1981	Xóm Hòa Khê 1	135	10	CN1
30	PHÙNG VĂN PHÚC	Nam	1976	Xóm Hòa Khê 1	125	20	CN1
31	NÔNG VĂN HIỆP	Nam	1987	Xóm Hòa Khê 2	140	10	CN1
32	NÔNG THỊ DUNG	Nữ	1982	Xóm Hòa Khê 2	140	10	CN1
33	ĐẶNG NGỌC PHÚ	Nam	1959	Xóm Hòa Khê 2	130	20	CN1
34	HOÀNG THỊ HOA	Nữ	1957	Xóm Hòa Khê 2	120	20	CN1
35	HỨA THỊ NÌN	Nữ	1958	Xóm Hòa Khê 2	130	10	CN1
36	ĐỖ VĂN TRỌNG	Nam	1947	Xóm Hòa Khê 2	130	10	CN1
37	HOÀNG VĂN THIẾT	Nam	1985	Xóm Hòa Khê 2	140	10	CN1
38	NÔNG VĂN HÀNH	Nam	1986	Xóm Hòa Khê 2	125	10	CN1
39	LINH THỊ BẠN	Nữ	1974	Xóm Hòa Khê 2	140	20	CN1

40	ĐÀM THỊ SON	Nữ	1953	Xóm Hòa Khê 2	140	10	CN1
41	ĐỖ BÁ HUỠNH	Nam	1995	Xóm Hòa Khê 2	125	20	CN1
42	LINH VĂN HẢY	Nam	1984	Xóm Hòa Khê 2	140	20	CN1
43	LUÂN VĂN CÔNG	Nam	1987	Xóm La Đàn	135	10	CN1
44	LUÂN VĂN ĐÀN	Nam	1971	Xóm La Đàn	130	20	CN1
45	LUÂN VĂN CHANH	Nam	1978	Xóm La Đàn	120	20	CN1
46	NÔNG VĂN VĨNH	Nam	1969	Xóm La Đàn	130	10	CN1
47	LUÂN VĂN TUÂN	Nam	1981	Xóm La Đàn	100	20	CN1
48	TRẦN NGỌC QUYẾT	Nam	1980	Xóm La Đàn	140	20	CN1
49	VI THỊ MIN	Nữ	1952	Xóm La Đàn	130	20	CN1
50	LƯƠNG THỊ LOAN	Nữ	1976	Xóm La Đàn	140	20	CN1
51	ĐÀM VĂN QUÝ	Nam	1987	Xóm La Đàn	115	20	CN1
52	LÝ THỊ TÝ	Nữ	1976	Xóm La Đàn	130	10	CN1
53	TRIỆU VĂN MIỆN	Nam	1960	Xóm La Đàn	135	20	CN1
54	LUÂN VĂN ĐÔNG	Nam	1989	Xóm La Đàn	120	20	CN1
55	LUÂN VĂN NGHĨA	Nam	1983	Xóm La Đàn	115	20	CN1
56	NÔNG VĂN LẬP	Nam	1977	Xóm La Đàn	135	20	CN1
57	LUÂN VĂN NGHIỆP	Nam	1986	Xóm La Đàn	140	20	CN1
58	NÔNG THỊ SON	Nữ	1968	Xóm La Đàn	135	20	CN1
59	LƯƠNG VĂN LAI	Nam	1951	Xóm La Đàn	125	10	CN1
60	TRẦN THỊ TÍNH	Nữ	1967	Xóm La Đàn	140	20	CN1
61	LƯƠNG VĂN LỢI	Nam	1973	Xóm La Đàn	130	10	CN1
62	LƯƠNG THỊ THANH	Nữ	1967	Xóm La Đàn	115	20	CN1
63	HOÀNG VĂN MÀN	Nam	1983	Xóm La Đàn	120	20	CN1
64	ĐÀM VĂN KHÁNH	Nam	1978	Xóm La Đàn	120	20	CN1
65	LÃNG THỊ THÁCH	Nữ	1960	Xóm La Đàn	115	20	CN1
66	HOÀNG THỊ THƠM	Nữ	1973	Xóm La Đàn	135	20	CN1
67	LUÂN VĂN ĐỊNH	Nam	1984	Xóm La Đàn	130	10	CN1
68	LUÂN VĂN VIÊN	Nam	1984	Xóm La Đàn	135	10	CN1
69	NGUYỄN VĂN TÚ	Nam	1995	Xóm La Đàn	125	20	CN1
70	ĐÀM VĂN GIÒNG	Nam	1959	Xóm La Đàn	125	10	CN1
71	LÃNG THỊ VIỆT	Nữ	1953	Xóm La Đàn	115	20	CN1
72	HOÀNG THỊ BẢY	Nam	1968	Xóm La Đàn	125	20	CN1
73	LUÂN VĂN CHIẾN	Nam	1976	Xóm La Đàn	130	20	CN1

74	LỘC THỊ QUYỀN	Nữ	1956	Xóm La Đàn	130	0	CN1
75	LUÂN VĂN VƯƠNG	Nam	1980	Xóm La Đàn	120	20	CN1
76	ĐÀM THỊ VUI	Nữ	1971	Xóm La Đàn	125	20	CN1
77	LUÂN VĂN THANH	Nam	1963	Xóm La Đàn	135	0	CN1
78	LUÂN THỊ GIỎI	Nữ	1975	Xóm La Đàn	115	20	CN1
79	ĐÀM VĂN TRUNG	Nam	1974	Xóm La Đàn	140	20	CN1
80	LÃNG VĂN MẠNH	Nam	1982	Xóm La Đàn	130	20	CN1
81	LUÂN VĂN NAM	Nam	1980	Xóm La Đàn	105	20	CN1
82	NGUYỄN THỊ XUYỀN	Nữ	1964	Xóm La Đùm	120	10	CN1
83	VŨ XUÂN KHÁNH	Nam	1977	Xóm La Đùm	130	10	CN1
84	TRIỆU VĂN LONG	Nam	1992	Xóm La Đùm	135	20	CN1
85	CHU VĂN CƯƠNG	Nam	1985	Xóm La Đùm	110	20	CN1
86	LÃNG XUÂN LINH	Nam	1990	Xóm La Đùm	120	20	CN1
87	VI VĂN KÊ	Nam	1983	Xóm La Đùm	130	20	CN1
88	VI VĂN ĐÔNG	Nam	1966	Xóm La Đùm	135	0	CN1
89	CHU VĂN KIM	Nam	1989	Xóm La Đùm	140	20	CN1
90	ĐẶNG THỊ NHẬN	Nữ	1974	Xóm Làng Cả	115	10	CN1
91	BÙI THỊ MAI	Nữ	1940	Xóm Làng Cả	120	20	CN1
92	HÀU TRUNG HÀ	Nam	1982	Xóm Làng Cả	140	10	CN1
93	NGUYỄN THỊ CƠ	Nữ	1959	Xóm Làng Cả	135	20	CN1
94	VŨ DUY HÙNG	Nam	1978	Xóm Làng Cả	135	0	CN1
95	LẠI QUANG QUÝ	Nam	1983	Xóm Làng Cả	130	10	CN1
96	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	1986	Xóm Làng Cả	110	20	CN1
97	TRẦN VĂN BÁ	Nam	1995	Xóm Làng Cả	105	20	CN1
98	MÔNG CHÍ HIẾU	Nam	1988	Xóm Làng Cả	130	20	CN1
99	NGUYỄN HỮU QUẾ	Nam	1988	Xóm Làng Cả	125	20	CN1
100	LÊ THỊ HẢO	Nữ	1976	Xóm Làng Hòa	95	20	CN1
101	TRẦN VĂN VIỆT	Nam	1974	Xóm Làng Hòa	130	0	CN1
102	BÙI THỊ HỒNG	Nữ	1981	Xóm Làng Hòa	135	20	CN1
103	TRẦN VĂN LỘC	Nam	1947	Xóm Làng Hòa	135	0	CN1
104	PHẠM VĂN TRỌNG	Nam	1983	Xóm Làng Hòa	115	0	CN1
105	TRẦN THỊ LỰA	Nữ	1959	Xóm Phả Lý	140	0	CN1
106	NGUYỄN THỊ VIỆT	Nữ	1945	Xóm Phả Lý	120	20	CN1
107	NGUYỄN VĂN THÂN	Nam	1980	Xóm Phả Lý	135	20	CN1

108	NGUYỄN THỊ LỘC	Nữ	1970	Xóm Phả Lý	130	10	CN1
109	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	1959	Xóm Phả Lý	135	20	CN1
110	LỘC THỊ PHƯƠNG	Nữ	1972	Xóm Phả Lý	135	20	CN1
111	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	Nam	1957	Xóm Phả Lý	135	20	CN1
112	NGUYỄN VĂN VŨ	Nam	1987	Xóm Phả Lý	140	20	CN1
113	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	1962	Xóm Phả Lý	125	10	CN1
114	TRẦN THỊ BÍCH	Nữ	1956	Xóm Phả Lý	85	20	CN1
115	LÝ VĂN NHẬT	Nam	1976	Xóm Thịnh Đức 1	140	10	CN1
116	LÝ VĂN HƯỜNG	Nam	1967	Xóm Thịnh Đức 1	140	10	CN1
117	NGUYỄN QUANG LẬP	Nam	1989	Xóm Thịnh Đức 1	130	10	CN1
118	HOÀNG THỊ HỒNG	Nữ	1959	Xóm Thịnh Đức 1	115	20	CN1
119	DƯƠNG THỊ DÙNG	Nữ	1953	Xóm Thịnh Đức 1	140	20	CN1
120	LÝ VĂN ĐOÀN	Nam	1989	Xóm Thịnh Đức 1	115	0	CN1
121	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	1948	Xóm Thịnh Đức 1	135	0	CN1
122	LÝ VĂN CƯỜNG	Nam	1981	Xóm Thịnh Đức 1	140	10	CN1
123	HỨA VĂN HẬU	Nam	1986	Xóm Thịnh Đức 1	120	20	CN1
124	HỨA VĂN ĐỘ	Nam	1965	Xóm Thịnh Đức 1	115	20	CN1
125	HOÀNG THỊ DẬU	Nữ	1956	Xóm Thịnh Đức 1	135	20	CN1
126	LÝ THỊ NGÀ	Nữ	1970	Xóm Thịnh Đức 1	120	20	CN1
127	HOÀNG VĂN SÁNG	Nam	1982	Xóm Thịnh Đức 1	115	0	CN1
128	LÂM VĂN THÁI	Nam	1989	Xóm Thịnh Đức 1	105	10	CN1
129	LÝ ĐÌNH ĐƯƠNG	Nam	1948	Xóm Thịnh Đức 1	140	20	CN1
130	LƯỜNG THỊ LÝ	Nữ	1961	Xóm Thịnh Đức 1	140	20	CN1
131	LÝ THỊ TUYÊN	Nữ	1961	Xóm Thịnh Đức 1	140	20	CN1
132	NGUYỄN THỊ THẨM	Nữ	1984	Xóm Thịnh Đức 1	135	10	CN1
133	LÝ NGỌC ĐẠI	Nam	1991	Xóm Thịnh Đức 1	130	10	CN1
134	LÃNG XUÂN THAY	Nam	1986	Xóm Thịnh Lâm	110	20	CN1
135	LÊ ĐÌNH THỎA	Nam	1978	Xóm Thịnh Lâm	95	10	CN1
136	TRIỆU VĂN HÙNG	Nam	1990	Xóm Thịnh Lâm	120	20	CN1
137	HỨA VĂN VÂN	Nam	1967	Xóm Thịnh Lâm	125	20	CN1
138	LÃNG XUÂN THỜI	Nam	1991	Xóm Thịnh Lâm	135	20	CN1
139	HỨA VĂN KHÈN	Nam	1965	Xóm Thịnh Lâm	105	20	CN1
140	ĐẶNG THỊ XUYẾN	Nữ	1962	Xóm Thịnh Lâm	140	10	CN1
141	NGUYỄN THỊ TOÀN	Nữ	1957	Xóm Thịnh Lâm	110	20	CN1

142	TRẦN VĂN VÂN	Nam	1987	Xóm Thịnh Lâm	125	10	CN1
143	TRIỆU VĂN CHIÊU	Nam	1992	Xóm Thịnh Lâm	130	10	CN1
144	NGUYỄN THỊ HOẠT	Nữ	1953	Xóm Thịnh Lâm	130	10	CN1
145	NGUYỄN KHẮC ĐƯỢC	Nam	1985	Xóm Thịnh Lâm	135	20	CN1
146	TRIỆU VĂN HÀNH	Nam	1961	Xóm Thịnh Lâm	110	20	CN1
147	TRẦN VĂN HẬU	Nam	1950	Xóm Thịnh Lâm	100	20	CN1
148	NÔNG THỊ ĐẠT	Nam	1969	Xóm Vân Hán	140	10	CN1
149	TRẦN TRUNG TÂM	Nam	1955	Xóm Vân Hán	135	0	CN1
150	TRẦN VĂN THAO	Nam	1985	Xóm Vân Hán	125	10	CN1
151	NÔNG THỊ BÂY	Nữ	1968	Xóm Vân Hán	135	0	CN1
152	NÔNG VĂN GIỚI	Nam	1974	Xóm Vân Hán	120	0	CN1
153	TRẦN THỊ NGỪNG	Nam	1954	Xóm Vân Hán	140	10	CN1
154	NGUYỄN NGỌC HUÊ	Nam	1954	Xóm Vân Hán	140	20	CN1
155	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	1981	Xóm Vân Hán	135	20	CN1
156	TRIỆU THỊ HỌC	Nam	1958	Xóm Vân Hòa	120	10	CN1
157	NÔNG THỊ NHÃ	Nam	1955	Xóm Vân Hòa	125	0	CN1
158	NGUYỄN VĂN NĂM	Nam	1996	Xóm Vân Hòa	110	20	CN1
159	NGUYỄN THỊ TỶ	Nữ	1977	Xóm Vân Hòa	120	20	CN1
160	NGUYỄN THỊ QUYẾT	Nữ	1944	Xóm Vân Hòa	105	10	CN1
161	TRIỆU VĂN VIÊN	Nam	1987	Xóm Vân Hòa	130	10	CN1
162	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Nam	1970	Xóm Vân Hòa	95	20	CN1
163	TRIỆU VIỆT ANH	Nam	1988	Xóm Vân Hòa	95	20	CN1
164	ĐÀO DUY HẠNH	Nam	1972	Xóm Vân Hòa	100	20	CN1
165	NGUYỄN THỊ LẬP	Nữ	1959	Xóm Vân Hòa	135	0	CN1
166	NGUYỄN THỊ THÀNH	Nữ	1971	Xóm Vân Hòa	125	20	CN1
167	NÔNG THỊ BỘ	Nam	1952	Xóm Vân Hòa	125	0	CN1
168	HOÀNG XUÂN TRÃI	Nam	1953	Xóm Vân Hòa	110	10	CN1
169	NGUYỄN THỊ BẮC	Nữ	1981	Xóm Vân Hòa	120	20	CN1

#### Hộ thoát nghèo

1	NGUYỄN THỊ VƯỢNG	Nữ	1959	Xóm Ấp Chè	155	20	KN
2	LÂM VĂN KHUÔN	Nam	1947	Xóm Ba Quả	150	40	KN
3	HOÀNG VĂN CAO	Nam	1989	Xóm Ba Quả	150	30	KN
4	PHẠM VĂN VINH	Nam	1978	Xóm Cầu Mai	150	30	KN
5	LƯU VĂN HÒA	Nam	1990	Xóm Cầu Mai	165	50	KN

6	LUÂN THỊ RÀNH	Nữ	1948	Xóm Hòa Khê 2	155	20	KN
7	ĐÀM THỊ THƠM	Nữ	1984	Xóm Hòa Khê 2	160	30	KN
8	ĐỖ THỊ HIẾN	Nữ	1958	Xóm Hòa Khê 2	145	30	KN
9	HOÀNG THỊ HỢP	Nữ	1961	Xóm Hòa Khê 2	150	40	KN
10	KHA THỊ THÌN	Nữ	1985	Xóm Hòa Khê 2	145	30	KN
11	NGUYỄN DUYÊN HOÀNG	Nam	1989	Xóm La Đùm	155	30	KN
12	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	1947	Xóm Làng Cả	155	10	KN
13	LÂM VĂN CÔNG	Nam	1979	Xóm Làng Hòa	150	40	KN
14	VI VĂN BÂY	Nam	1994	Xóm Thịnh Lâm	170	40	KN
15	NGUYỄN VĂN HIỆN	Nam	1976	Xóm Vân Hán	150	20	KN
16	NGUYỄN VĂN THÁI	Nam	1976	Xóm Vân Hán	175	20	KN
17	NÔNG VĂN CƯỜNG	Nam	1990	Xóm Vân Hán	175	20	KN

#### Hộ thoát cận nghèo

1	TRẠC VĂN HÙNG	Nam	1973	Xóm Áp Chè	170	10	KN
2	LÊ QUANG HÒA	Nam	1968	Xóm Áp Chè	190	10	KN
3	TRẦN VĂN QUẢNG	Nam	1988	Xóm Áp Chè	160	20	KN
4	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	1975	Xóm Áp Chè	170	20	KN
5	LÝ VĂN THẠCH	Nam	1965	Xóm Áp Chè	195	10	KN
6	TRẦN VĂN NGỌ	Nam	1978	Xóm Áp Chè	170	20	KN
7	LÂM VĂN CHÍ	Nam	1972	Xóm Ba Quả	145	0	KN
8	LÂM VĂN MONG	Nam	1969	Xóm Ba Quả	165	20	KN
9	LÃNG VĂN KHÁNH	Nam	1977	Xóm Cầu Mai	145	10	KN
10	HOÀNG THỊ HẰNG	Nữ	1984	Xóm Hòa Khê 2	145	40	KN
11	LƯƠNG VĂN TÂN	Nam	1957	Xóm La Đàn	145	0	KN
12	LUÂN THỊ HÒE	Nam	1982	Xóm La Đàn	145	10	KN
13	LUÂN VĂN KHOA	Nam	1987	Xóm La Đàn	150	10	KN
14	LUÂN THỊ SAM	Nữ	1947	Xóm La Đàn	155	10	KN
15	LUÂN VĂN THỦY	Nam	1988	Xóm La Đàn	185	40	KN
16	LUÂN THỊ TƯƠI	Nữ	1963	Xóm La Đàn	170	10	KN
17	LUÂN VĂN NÀM	Nam	1978	Xóm La Đàn	150	20	KN
18	HOÀNG THỊ CHAO	Nữ	1957	Xóm La Đàn	150	10	KN
19	LINH THỊ HỒNG	Nữ	1961	Xóm La Đàn	145	0	KN
20	TRẦN THỊ ĐIỆP	Nữ	1990	Xóm La Đàn	170	20	KN
21	ĐÀM VĂN LỢI	Nam	1967	Xóm La Đàn	150	10	KN

22	HOÀNG THỊ HIÊN	Nam	1964	Xóm La Đàn	145	20	KN
23	LÃNG VĂN THẠCH	Nam	1986	Xóm La Đàn	145	10	KN
24	CHU VĂN KHU	Nam	1975	Xóm La Đùm	155	10	KN
25	HOÀNG THỊ EM	Nữ	1940	Xóm La Đùm	145	20	KN
26	MÔNG VĂN HIỆU	Nam	1990	Xóm Làng Cả	165	20	KN
27	NGUYỄN THỊ THỌ	Nữ	1949	Xóm Phả Lý	160	0	KN
28	NGUYỄN THỊ THẮNG	Nữ	1964	Xóm Phả Lý	150	30	KN
29	PHẠM VĂN TOÁN	Nam	1987	Xóm Phả Lý	190	20	KN
30	NGUYỄN VĂN THẢO	Nam	1990	Xóm Phả Lý	145	30	KN
31	NGUYỄN THỊ VÂN	Nữ	1980	Xóm Phả Lý	155	30	KN
32	NÔNG VĂN HÙNG	Nam	1980	Xóm Phả Lý	145	20	KN
33	NGUYỄN THỊ DUNG	Nữ	1956	Xóm Phả Lý	160	10	KN
34	DƯƠNG VĂN LÂM	Nam	1981	Xóm Thịnh Đức 1	160	20	KN
35	LÝ VĂN ÁM	Nam	1962	Xóm Thịnh Đức 1	165	20	KN
36	LÝ VĂN CÔNG	Nam	1986	Xóm Thịnh Đức 1	150	20	KN
37	DƯƠNG THỊ THỊNH	Nữ	1956	Xóm Thịnh Đức 1	175	10	KN
38	LÝ VĂN LƯỢNG	Nam	1984	Xóm Thịnh Đức 1	160	20	KN
39	ĐẶNG VĂN MÙI	Nam	1979	Xóm Thịnh Lâm	170	20	KN
40	HỨA VĂN THÀNH	Nam	1986	Xóm Thịnh Lâm	170	0	KN
41	LÊ VĂN ĐẠO	Nam	1983	Xóm Thịnh Lâm	185	10	KN
42	VI VĂN QUÝ	Nam	1987	Xóm Thịnh Lâm	150	10	KN
43	NGUYỄN THỊ BẮC	Nữ	1982	Xóm Thịnh Lâm	155	10	KN
44	NGUYỄN VĂN LUYỆN	Nam	1971	Xóm Vân Hán	145	20	KN
45	NGUYỄN THỊ SÁU	Nữ	1974	Xóm Vân Hán	180	30	KN
46	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	1995	Xóm Vân Hòa	165	40	KN
47	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	1988	Xóm Vân Hòa	150	10	KN
48	VĂN THỊ DUNG	Nữ	1965	Xóm Phả Lý	160	10	KN